

II GIAI ĐOẠN TỪ ĐẦU THẾ KỶ VII ĐẾN THẾ KỶ XVI

Sau khi Chân Lạp đánh bại Phù Nam, trong một số sách Trung Quốc đã xuất hiện tên gọi “Thủy Chân Lạp”¹ để chỉ phần lãnh thổ Phù Nam trên vùng đất Nam Bộ và phần biệt với vùng đất “Lục Chân Lạp”, tức là vùng đất gốc của Chân Lạp.

Từ đây vùng đất Nam Bộ trên danh nghĩa bị đặt dưới quyền kiểm soát của Chân Lạp, nhưng trên thực tế việc cai quản vùng lãnh thổ mới đối với Chân Lạp gặp nhiều khó khăn. Trước hết, với truyền thống quen khai thác các vùng đất cao, dân số còn ít ỏi, người Khmer khi đó khó có khả năng tổ chức khai thác trên quy mô lớn một vùng đồng bằng mới bồi lấp, còn ngập nước và sinh lầy... Hơn nữa, việc khai khẩn đất đai trên lãnh thổ của Lục Chân Lạp đòi hỏi rất nhiều thời gian và sức lực. Việc cai trị xứ Thủy Chân Lạp vì vậy vẫn phải giao cho những người thuộc dòng dõi vua Phù Nam. Theo những tài liệu bi ký còn lại có thể thấy rằng, vào thế kỷ VIII tại vùng trung tâm của

1. Mã Doan Lâm: *Văn hiến thông khảo*, quyển 332, Tư duệ khảo, tờ 9.

Phù Nam trước đây vẫn còn tồn tại một tiểu quốc tên là Anindiapura, do một người thuộc dòng dõi vua Phù Nam tên là Baladitya trị vì¹.

Khi Phù Nam tan rã là lúc nhiều vương quốc nhỏ vốn là thuộc quốc hoặc chư hầu cũ nổi lên thành những nước mạnh. Trong vùng hải đảo Đông Nam Á, nước Srivijaya của người Java hùng mạnh nhất. Vào nửa sau thế kỷ VIII, quân đội nước này đã liên tục tiến công vào các quốc gia trên Đông Dương. Kết cục là Thủy Chân Lạp bị quân Java chiếm. Cả vương quốc Chân Lạp gần như bị lệ thuộc vào Srivijaya. Cục diện này kéo dài đến năm 802 mới kết thúc. Trong vòng gần một thế kỷ, vùng đất Nam Bộ lại nằm dưới quyền kiểm soát của người Java.

Một trở ngại trong việc cai quản và phát triển vùng Thủy Chân Lạp là tình trạng chiến tranh diễn ra thường xuyên giữa Chân Lạp với Champa. Trong khi đó, chính quyền Chân Lạp dồn sức phát triển các vùng trung tâm truyền thống của mình ở khu vực Biển Hồ, trung lưu sông Mê Kông và hướng nỗ lực mở rộng ảnh hưởng sang phía tây, vùng lưu vực sông Chao Phraya. Trong khoảng thời gian từ thế kỷ XI, Chân Lạp trở thành một quốc gia cường thịnh, tạo dựng nên nền văn minh Ăngco rực rỡ, đồng thời mở rộng lãnh thổ lên tận Nam Lào và trùm lên cả lưu vực sông Chao Phraya. Căn cứ vào những kết quả nghiên cứu gần đây có thể thấy những di tích khảo cổ học mang dấu ấn

1. G. Coedès: *Les peuples de la péninsule Indochinoise*, Paris, 1962, p. 11.

Chân Lạp trên đất Nam Bộ trước thế kỷ XVI không nhiều và ảnh hưởng văn minh Ăngco ở vùng này cũng không đậm nét¹.

Cho đến thế kỷ XIII, cư dân ở vùng đất Nam Bộ còn thưa thớt. Chu Đạt Quan, một người Trung Quốc có dịp đến Chân Lạp vào những năm 1296 - 1297 đã mô tả vùng đất Nam Bộ như sau:

"Từ chỗ vào Chân Bốt trở đi, hầu hết là rừng thấp cây rậm. Sông dài vắng rộng, kéo dài mấy trăm dặm, cỏ thụ rậm rạp, dây leo um tùm, tiếng chim muông chen lẫn nhau ở trong đó. Đến nửa chừng mới thấy ruộng đồng rộng rãi, tuyệt không có một tác cây. Nhìn xa chỉ thấy cây lúa ròn ròn mà thôi. Trâu rừng họp nhau thành từng đàn trăm ngàn con, tụ tập ở đây. Lại có giống đất đây tre dài dẹt đặc mấy trăm dặm. Loại tre đó, đời có gai, măng rất đắng"².

Bắt đầu từ cuối thế kỷ XIV, Chân Lạp phải đối phó với sự bành trướng của các vương triều Xiêm từ phía tây, đặc biệt là từ sau khi vương triều Ayutthaya hình thành

1. Xem Võ Sĩ Khải: "Đất Gia Định 10 thế kỷ đầu Công nguyên", in trong *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (Chủ biên), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr. 183.
2. Chân Bốt là vùng Bà Rịa, thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay.

3. Chu Đạt Quan: *Chiến Lạp phong thổ ký*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 45 - 46. Nguyễn Văn Chữ Hán trong mục Sơn Xuyên, của *Khâm định tứ khố toàn thư*, Sử bộ 11, Địa lý loại 10, Ngoại kỷ chỉ thuộc. Chu Đạt Quan đến Chân Lạp vào tháng 7 năm Bình Thân (năm 1296) lúc bắt đầu mùa nước lên, nên cảnh "cây lúa ròn ròn" hẳn là loại lúa hoang (còn gọi là lúa trời, lúa ma) mọc và lớn lên tự nhiên theo mùa nước trên nhiều vùng của Đồng bằng sông Cửu Long.

vào giữa thế kỷ XIV. Trong suốt 78 năm (từ năm 1353 đến năm 1431), Ayutthaya và Chân Lạp liên tiếp có chiến tranh, trong đó chủ yếu là những cuộc tiến công Chân Lạp từ phía người Thái. Trong thời kỳ đó, có lúc Kinh thành Ăngco đã bị quân đội Ayutthaya chiếm đóng.

Sang thế kỷ XVI, và nhất là từ thế kỷ XVII, do sự can thiệp của Xiêm, triều đình Chân Lạp bị chia rẽ sâu sắc. Vương quốc này dần bước vào thời kỳ suy vong. Trong bối cảnh như vậy, Chân Lạp hầu như không có khả năng kiểm soát với vùng đất còn ngập nước ở phía nam, vốn là địa phận của vương quốc Phù Nam. Trên thực tế khả năng kiểm soát và quản lý vùng đất này của vương triều Chân Lạp giảm sút dần.

III GIAI ĐOẠN TỪ ĐẦU THẾ KỶ XVII ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XVIII

Từ đầu thế kỷ XVII đã có lưu dân người Việt ở vùng đất Thuận - Quảng của chúa Nguyễn đến Mô Xoài (Bà Rịa), Đồng Nai (Biên Hòa) khai khẩn đất hoang, lập ra những làng người Việt đầu tiên trên vùng đất Nam Bộ.

Năm 1620, chúa Sài Nguyễn Phúc Nguyên gả con gái của mình là Công chúa Ngọc Vạn cho Quốc vương Chân Lạp Chey Chetha II làm Hoàng hậu của vương triều Chân Lạp. Sự việc này cũng đã được Cristoforo Borri, một giáo sĩ người Italia sống tại thị trấn Nước Mặn (nay thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định) vào các năm 1618 - 1622 ghi nhận¹. Dưới sự bảo trợ của Hoàng hậu người Việt của vương triều Chey Chetha II (1619 - 1627), cư dân Việt từ vùng Thuận - Quảng vào sinh sống làm ăn ở lưu vực sông Đồng Nai ngày một đông thêm.

1. Cristoforo Borri: *Cochin - China, London*, 1633, Da Capo Press, Theatrem Orbis Ltd, Amsterdam, New York, 1970, p. H.4. Tác giả còn cho biết rõ Quốc vương Chân Lạp, người kết hôn với con gái chúa Nguyễn đã xin chúa Nguyễn viện trợ khí tài và quân đội để chống Xiêm.

Năm 1623, chúa Nguyễn đã cho lập thương điền ở vị trí tương ứng với Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay) để thu thuế¹.

Theo *Dại Nam thực lục tiền biên*, tháng 9 năm Mậu Tuất (năm 1658), vua nước Chân Lạp là Nặc Ông Chân (Chan Ramathipati) xâm lấn đất đai của chúa Nguyễn ở vùng Mô Xoài (Bà Rịa), đã bị quan quân địa phương bắt giải về Phú Xuân. Chúa Nguyễn Phúc Tần “*thạ tội cho và sai hộ tống về nước, khiến làm phiên thần hàng năm nộp cống*”².

Tư liệu trên xác nhận những hoạt động quan trọng đầu tiên của chúa Nguyễn trên con đường từng bước hình thành và bảo vệ chủ quyền của mình đối với vùng đất miền Đông Nam Bộ trong những thập kỷ đầu và giữa thế kỷ XVII.

Cùng với các nhóm cư dân người Việt, trong thời gian này cũng xuất hiện một số người Trung Quốc đến khai khẩn đất hoang và sinh sống làm ăn ở vùng đất Nam Bộ. Nhân việc nhà Thanh thay thế nhà Minh ở Trung Quốc, một số quan lại và quân lính trung thành với triều đình nhà Minh không chấp nhận sự thống trị của nhà Thanh đã vượt biên đến Đàng Trong tìm đất sinh sống và thúc đẩy nhanh hơn quá trình khai phá vùng đất đồng bằng Nam Bộ.

Sách *Dại Nam thực lục* chép: “*Kỷ Mùi, năm thứ 31 (1679), mùa xuân, tháng Giêng, tướng cũ nhà Minh là Long*

1. G. Maspéro: *L'empire Khmer, Histoire et documents*, Phnom Penh, 1904, p. 61.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Dại Nam thực lục* (bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, t. 1, tr. 72. Nặc Ông Chân trong biên niên sử Khmer là Chan Ramathipati (1642 - 1659).

Môn, tổng binh Dương Ngạn Dịch và phó tướng Hoàng Tiến, tổng binh Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình đem hơn 3.000 quân và hơn 50 chiến thuyền đến các cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng, tự trần là bộ thân nhà Minh, nghĩa không chịu làm tôi nhà Thanh, nên đến để xin làm tôi tớ. Bấy giờ bàn bạc rằng: “Phong tục, tiếng nói của họ đều khác, khó bề sai dung, nhưng họ bị thế cùng bức bách đến đây thì không nỡ cự tuyệt. Nay đất Đông Phố (tên cổ của Gia Định) nước Chân Lạp đông ruộng phì nhiêu nghìn dặm, triều đình chưa rõ mà kinh lý, chỉ bằng nhân lấy sức của họ cho đến khai khẩn để ở, làm một việc mà lợi ba điều. Chúa theo lời bàn, bèn sai đặt yến úy lạo khen thưởng, trao cho quan chức khiến đến ở đất Đông Phố. Lại cáo dụ nước Chân Lạp rằng như thế là có ý không để nước Chân Lạp ra ngoài. Bọn Ngạn Dịch đến cửa khuyết tạ ơn đi. Bình thuyền của Ngạn Dịch và Hoàng Tiến vào cửa Lôi Lạp (nay thuộc đất Gia Định) đến đóng ở Bàn Lân (nay thuộc Biên Hòa). Họ vỡ đất hoang, dựng phố xá, thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tập nập...”¹.

Theo sách *Dại Nam nhất thống chí*, căn cứ vào các dấu tích hoạt động cụ thể đã cho biết nhóm Trần Thượng Xuyên đến Biên Hòa “*mở đất, lập phố*”, còn nhóm Dương Ngạn Dịch đến Mỹ Tho “*dựng nhà cửa, hợp người Kinh, người Di, kết thành làng xóm*”. Sau đó dựng 9 trường biệt nạp là Quy An, Quy Hóa, Cảnh Dương, Thiên Mụ, Gian Thảo, Hoàng Lạp, Tam Lạch, Bà Cảnh, Tân Thạnh cho dân lập ấp khai khẩn ruộng đất

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Dại Nam thực lục*, Sđđ, t. 1, tr. 91.

cây cấy; lại lập thành trang, trại, man, man, nậu, nhân dân đều theo nghề nghiệp của mình làm ăn để nộp thuế¹. Như vậy, cùng với Sài Gòn - Gia Định, Biên Hòa và Mỹ Tho cũng đã đang dần dần trở thành những trung tâm cư dân và kinh tế phát triển dưới quyền cai quản của chúa Nguyễn ở miền Đông và cả miền Tây Nam Bộ.

Cùng thời gian này, Mạc Cửu là người xã Lôi Quách, huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), cũng vì việc nhà Minh mất mà “để tóc chạy sang phương Nam, đến nước Chân Lạp làm chức Ốc Nha, thấy phủ Sài Mat ở nước ấy có nhiều buôn bán các nước tụ họp, bèn mở sòng gá bạc để thu thuế gọi là hoa chi, lại được hổ bạc chôn nên thành giàu. Nhân chiêu tập dân xiêu dạt đến các nơi Phú Quốc, Côn Bột, Giá Khê, Lũng Kỳ, Hương Úc, Cà Mau (thuộc tỉnh Hà Tiên) lập thành 7 xã thôn²”. Mạc Cửu đã biến toàn bộ vùng đất Hà Tiên - Long Xuyên - Bạc Liêu - Cà Mau (được gọi chung là Hà Tiên) thành khu vực cát cứ của dòng họ mình, không còn lệ thuộc vào chính quyền Chân Lạp nữa. Sách *Thanh triều văn hiến thông khảo* gọi đây là nước Càng Khâu (Càng Khâu quốc): “Nước này có nhiều núi cao, địa

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Dại Nam thực lục*, Sđđ, t. 5, tr. 84 - 85.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Dại Nam thực lục*, Sđđ, t. 1, tr. 122. Phủ Quốc nay là huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang); Giá Khê nay là Rạch Giá (Kiên Giang); Cà Mau nay là vùng Long Xuyên, Bạc Liêu, Cà Mau. Riêng Sài Mat (BantayMas), Côn Bột (Kampot), Hương Úc (Kongpong Som), Lũng Kỳ (Réam) cho đến thời Tự Đức vẫn còn là đất của huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên, nhưng sau đó thuộc Campuchia.

hạt khoảng 100 dặm vuông. Thành và các cung thất làm bằng gỗ không khác Trung Quốc mấy. Chỗ vua ở xây bằng gạch ngói. Chế độ trang phục phẳng phát các vua đời trước, búi tóc, đi võng, chít khăn, đội mũ. Vua mặc áo bào vẽ trăn rắn, lưng thắt đai đai, giày dép bằng da. Dân mặc áo vạt cổ rộng. Khi có tang thì mặc đồ màu trắng, bình thường thì áo nhiều màu... Họ gặp nhau thì chắp hai tay chào theo lễ. Phong tục nước này ham chuộng thơ văn, trong nước có dựng đền thờ Khổng Tử. Vua và dân đều đến lễ...¹.

Những sự kiện trên cho thấy, trong thời kỳ này vùng đất Nam Bộ đã trở thành nơi tranh chấp ảnh hưởng và quyền bính giữa hai thế lực của vương triều Chân Lạp và chúa Nguyễn, trong đó vai trò của Chân Lạp ngày càng lu mờ, còn vai trò của chúa Nguyễn thì ngày càng được khẳng định, mở rộng và củng cố. Năm 1674, vương triều Chân Lạp bị chia thành Chính Quốc Vương (đóng ở U Đông) và Phó Quốc Vương (đóng ở Sài Gòn), cả hai đều triều cống chúa Nguyễn. Năm 1691, Phó Quốc Vương Nặc Ông Nôn (Ang Non) qua đời và từ đó, vùng đất này không còn đại diện của vương triều Chân Lạp nữa.

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đông Nai. Tại đây, ông tiến hành “chia đất Đông Phố, lấy xứ Đông Nai làm huyện Phúc Long (nay thuộc làm phủ) dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thuộc làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức dinh Gia Định

1. *Thanh triều văn hiến thông khảo*, quyển 297, Tứ dư 5, tr. 7.463.

ngày nay), mới định đều đặt các chức lưu thủ, cai bạ, ký lục và các cơ đội thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh. Mở rộng đất đai được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiếu mộ những người dân xiêu dạt từ Bắc Chính trở về Nam cho đến ở cho đông. Thiết lập xã thôn, phường ấp, chia cắt giới phận, khai khẩn ruộng nương, định lệ thuế tô dung, làm sổ định điền. Lại lấy người Thanh đến buôn bán ở Trấn Biên lập làm xã Thanh Hà, ở Phiên Trấn lập làm xã Minh Hương. Từ đó người Thanh ở buôn bán đều thành dân hộ [của ta]¹.

Như vậy, chúa Nguyễn đã xác lập quyền quản lý về mặt nhà nước đối với các xứ Đồng Nai (huyện Phúc Long) - Sài Gòn (huyện Tân Bình), sáp nhập hẳn vào lãnh thổ Đàng Trong, tổ chức các đơn vị hành chính và bộ máy chính quyền từ cấp dinh, trấn cho đến tận các thôn, xã, thực thi quyền lực nhà nước trong việc quản lý đất đai, hộ khẩu, thu thuế và trưng thu các nguồn lợi tự nhiên và thu thuế qua việc trao đổi với thương nhân nước ngoài. Đến đây, Sài Gòn - Gia Định đã trở thành trung tâm hành chính - chính trị và đang từng bước hình thành một trung tâm kinh tế và văn hóa của vùng đất mới. Sự kiện năm 1698 là cột mốc quan trọng trong quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn đối với vùng đất Nam Bộ.

Trước tình hình phát triển hết sức nhanh chóng của khu vực Gia Định dưới quyền quản lý của chính quyền chúa Nguyễn, Mạc Cửu càng ngày càng nhận thấy không

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, *Sắc*, t. 1, tr. 111.

thể không dựa vào chính quyền chúa Nguyễn nếu muốn tiếp tục củng cố và mở rộng thế lực trên vùng đất này, nên đã đem toàn bộ vùng đất đang cai quản về với chúa Nguyễn. Sách *Đại Nam thực lục* chép sự kiện xảy ra vào năm 1708: "Đến đây Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương Cửu và Lý xã dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phụng Thành, nhân dân ngày càng đến đông"¹. Tháng 4-1711, Tổng binh trấn Hà Tiên là Mạc Cửu đã đến cửa khuyết để tạ ơn và được chúa Nguyễn Phúc Chu hậu thưởng.

Việc vùng đất Hà Tiên được sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong là sự kiện đánh dấu bước phát triển quan trọng trong quá trình mở rộng chủ quyền của chúa Nguyễn trên vùng đất Nam Bộ. Đến đầu thế kỷ XVIII, chủ quyền Việt Nam đã mở rộng đến tận Hà Tiên và mũi Cà Mau, bao gồm cả các đảo ngoài Biển Đông và Vịnh Thái Lan. Lúc này, bên cạnh Đội Hoàng Sa trấn giữ các quần đảo giữa Biển Đông, chúa Nguyễn còn đặt ra đội Bắc Hải (dưới sự kiểm quản của Đội Hoàng Sa) có trách nhiệm khai thác hóa vật, kiểm tra, kiểm soát - thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực "các xứ Bắc Hải, củ lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên"².

Sau khi Mạc Cửu mất, chúa Nguyễn tiếp tục phong cho con của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ làm Đô đốc trấn Hà

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, *Sắc*, t. 1, tr. 122.

2. Lê Quý Đôn: *Toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, t. 1, tr. 120.

Tiên và "Cho 3 thuyền long bài được miễn thuế, sai xuất dương tìm mua các của quý báu để nộp. Lại sai mở cục đúc tiền để tiện việc trao đổi. Thiên Tử chia đất nha thuộc, kén bố quân ngũ, đắp thành lũy, mở phố chợ, khách buôn các nước đến họp đông. Lại vời những người văn học, mở Chiêu anh các, ngày ngày cùng nhau giảng bàn và xướng họa, có 10 bài vịnh Hà Tiên (Hà Tiên thập vịnh)"¹. Trong lời tựa cuốn Hà Tiên thập vịnh viết vào cuối Hạ năm Đinh Tỵ (1737), chính Mạc Thiên Tứ đã khẳng định: "Trần Hà Tiên nước An Nam xưa là đất hoang, từ tên quân khai sang tới nay, đã hơn 30 năm, mà dân mới được yên... Mùa hè năm Ất Mão (1735), tiên quân mất đi, tôi nối theo môi trước, trong khi chính trị thư rối, hàng ngày cùng với văn nhân bàn việc vịnh thơ... Do đó biết núi sông nhỏ được phong hóa của tiên quân mà thêm phần tráng lệ, lại được các danh sĩ phẩm để mà thêm vẻ linh tú. Thơ này chẳng những chỉ làm cho chốn ven biển thêm phần tươi đẹp, mà cũng là một trang sử của trần Hà Tiên vậy"².

Mạc Thiên Tứ không chỉ ra sức xây dựng và phát triển Hà Tiên trở thành một trung tâm kinh tế phồn thịnh, mà còn nêu cao ý thức bảo vệ chủ quyền với tư cách là người được giao trách nhiệm bảo vệ vùng biên giới cực Nam đất nước. Sách Đại Nam thực lục cho biết, vào năm 1739: "Nặc Bồn nước Chân Lạp lần Hà Tiên... Thiên Tử đem hết quân bản bộ ra đánh, đuổi tới Sài Mạt, ngày đêm đánh hằng, lương thực

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, Sđd, t. 1, tr. 145 - 146.

2. Lê Quý Đôn: Toàn tập, Sđd, t. 1, tr. 274.

không tiếp kịp. Vợ là Nguyễn Thị đốc suất vợ lính vận lương đến nuôi quân, quân không bị thiếu ăn, hằng hái cỏ đánh phá được quân Bôn. Tin thắng trận báo lên, Chúa cả khen ngợi, đặc biệt cho Thiên Tứ chức Đô đốc tướng quân, ban cho áo bào đỏ và mũ đai, phong Nguyễn Thị làm phu nhân. Do đó Chân Lạp không dám nhòm ngó Hà Tiên nữa"¹.

Năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi vương, tổ chức bộ máy hành chính thống nhất, chia toàn bộ đất Đàng Trong thành 12 dinh và 1 trấn phụ thuộc. Các dinh đều đặt trấn phủ, cai bạ và ký-lực để cai trị. Dứng đầu trấn là chức đô đốc. Riêng vùng đất Nam Bộ lúc ấy gồm 3 dinh là Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ và trấn Hà Tiên².

Vào khoảng thời gian này, vương triều Chân Lạp lâm vào tình trạng nội bộ mâu thuẫn, chia rẽ. Có thể lực muốn dựa hẳn vào chúa Nguyễn, nhưng lại có thể lực muốn chạy theo vua Xiêm. Các lực lượng đối địch luôn tìm mọi cơ hội thuận lợi để thôn tính lẫn nhau. Sách Đại Nam thực lục cho biết, vào năm Mậu Thìn (1748) "Nặc Tha (Pre Saththa II) nước Chân Lạp lên ngôi vua. Nặc Tham từ nước Xiêm về, Tha không chịu nhận. Tham cử binh đánh. Tha chạy sang Gia Định. Tham liền chiếm đất. Đến khi Tham chết, con là Đôn, Hiên, Yếm tranh nhau làm vua... Mùa Hạ, tháng 6, Nặc Nguyễn (Ang Tong) nước Chân Lạp (con thứ hai Nặc Tham) cùng Cao La Hâm và Ốc Đột Lục Man cầu viện binh quân Xiêm về đánh Nặc Tha. Nặc Tha (Pre Saththa II) lại chạy sang

1, 2. Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, Sđd, t. 1, tr. 148, 153.

Gia Định, rồi bị bệnh chết. Nặc Nguyễn (Ang Tong) làm vua nước ấy¹.

Vùng đất Hà Tiên sau khi nhập vào lãnh thổ Đàng Trong ngày một hưng thịnh, trở thành nơi nhiều thế lực trong triều đình Chân Lạp tìm đến với hi vọng được cửu mang và cây nhỏ. Cuối năm 1755, chính vua Chân Lạp là Nặc Nguyễn đã "chạy về Hà Tiên, nương tựa đô đốc Mạc Thiên Tứ"².

Năm 1756, Nặc Nguyễn "xin hiến đất hai phủ Tâm Bôn, Lô Lạp và nộp bù lễ cống còn thiếu 3 năm về trước để chuộc tội"³. Sau khi bàn tính kỹ, chúa Nguyễn đã chấp nhận việc "lấy đất hai phủ ấy, ủy cho thân xem xét hình thế, đặt lũy đóng quân, chia cấp ruộng đất cho quân và dân, vạch rõ địa giới, cho đặt lệ vào châu Định Viễn để thu lũy toàn khu"⁴.

Năm sau, năm 1757, Nặc Nguyễn qua đời. Người chú họ là Nặc Nhuận tạm trông coi việc nước, nhưng ngay sau đó triều đình Chân Lạp lại rối loạn, đánh giết lẫn nhau. Người con của Nặc Nhuận (em họ của Nặc Nguyễn) là Nặc Tôn (Outey II) chạy sang Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ đã cửu mang và giới thiệu Nặc Tôn lên chúa Nguyễn. "Chúa bèn sắc phong cho Nặc Tôn (Outey II) làm vua nước Chân Lạp, sai Thiên Tứ cùng với tướng sĩ dinh hộ tống về nước. Nặc Tôn (Outey II) bèn dâng

1, 2, 3, 4. Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, Sđđ, t. 1, tr. 155, 164, 165, 166.

Theo biên niên sử Khmer thì Nặc Tha (Pre Saththa II) làm vua ba lần và đây là lần thứ ba ông lên ngôi vua. Nặc Nguyễn (Ang Tong) cũng làm vua hai lần vào các năm 1747 - 1749 và 1755 - 1757.

đất Tâm Phong Long... Bấy giờ Nặc Tôn (Outey II) lại cất năm phủ Hương Úc, Căn Bột, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ hiến cho triều đình. Chúa cho lệ năm phủ ấy vào quản hạt Hà Tiên, Thiên Tứ xin đặt Giá Khê làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm đạo Long Xuyên, đều đặt quan lại, chiêu dân cư, lập thôn ấp làm địa giới Hà Tiên ngày càng thêm rộng"¹.

Như vậy, đến năm 1757, những phần đất còn lại ở miền Tây Nam Bộ mà trên thực tế đã thuộc quyền cai quản của Chúa Nguyễn từ trước đó, chính thức thuộc chủ quyền của Việt Nam. Sau này, dưới thời nhà Nguyễn (1802 - 1945), tuy có một số địa điểm cụ thể vẫn còn được tiếp tục điều chỉnh, nhưng trên căn bản khu vực biên giới Tây Nam Việt Nam đã được hoạch định từ năm 1757.

Trên vùng đất Nam Bộ, chúa Nguyễn đã thi hành chính sách khuyến khích đặc biệt đối với việc khai phá đất hoang, cho phép người dân biến ruộng đất khai hoang được thành sở hữu tư nhân.

Trước làn sóng tự động di dân vào Nam tìm đất sinh sống của đồng đảo những người nông dân Thuận - Quảng, chúa Nguyễn cho người đứng ra tổ chức các cuộc di cư này và lập thành các xã, thôn, phường, ấp của người Việt. Chúa Nguyễn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho địa chủ giàu có ở Thuận - Quảng đem tơi tở và chiêu mộ nông dân lưu vong vào đây khai hoang

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, Sđđ, t. 1, tr. 166. Tâm Phong Long nay thuộc tỉnh An Giang; Chân Sum (Chal Chun) là đất huyện Hà Âm, tỉnh An Giang; Linh Quỳnh (Raung Veng) là đất huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên cho đến thời Tự Đức, nhưng hiện nay thuộc Campuchia.

lập ấp. Chính sách này được thực thi lâu dài và nhất quán như một phương thức khai hoang chủ yếu ở Nam Bộ. Lực lượng khai hoang chủ yếu là lưu dân người Việt và một bộ phận những người dân gốc Chăm-pa, Chân Lạp. Ngoài ra, một số lính đồn trú, một số người Trung Quốc, người dân tộc thiểu số khác cũng được sử dụng vào việc khai khẩn và canh tác.

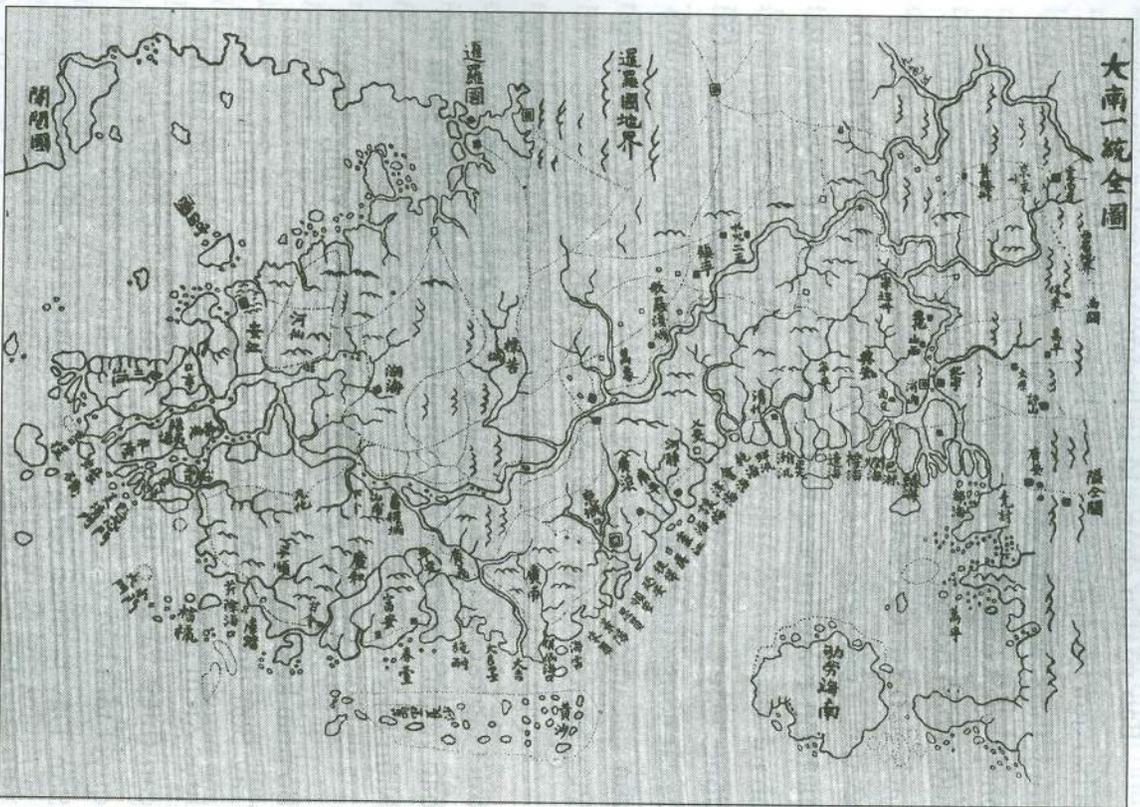
Thế kỷ XVII - XVIII, trên vùng đất này hiện tượng tích tụ ruộng đất với quy mô lớn đã xuất hiện. Trong sách *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn cho biết: "Phủ Gia Định, đất Đông Nai, từ các cửa biển Cần Giò, Soài Lấp, Cửa Đại, Cửa Tiểu toàn là rừng rậm hàng mấy nghìn dặm. Họ Nguyễn chiêu mộ những người dân có vật lực ở xứ Quảng Nam, các phủ Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn cho dời tới đây, phát đất mở mang hết thảy thành bằng phẳng, đất nước màu mỡ, cho dân tự chiếm trồng rau và làm nhà cửa... Người giàu ở các địa phương hoặc 40, 50 nhà, hoặc 20, 30 nhà, mỗi nhà điền nô hoặc đến 50, 60 người, trâu bò hoặc đến 300, 400 con, cây bừa, cấy gặt, rộn ràng không rời. Hàng năm, đến tháng 11, tháng 12 thường giã thành gạo, bán lấy tiền để ăn tết Chạp. Từ tháng Giêng trở đi là không làm việc xay giã. Bình thời chỉ bán ra Phú Xuân để đổi lấy hàng Bắc, lụa lĩnh, trầu đoan, áo quần tốt đẹp, ít có vải bố. Đất ấy nhiều ngòi lạch, đòng nước như mắc cửi, không tiện đi bộ. Người buôn có chèo thuyền lớn thì tất đều theo xuống nhỏ để thông đi các kênh. Từ cửa biển đến đầu nguôn đi 6, 7 ngày, hết thảy là đồng ruộng bằng phẳng, bát ngát, rất thích hợp trồng các loại lúa nếp, lúa tẻ, gạo đều trắng dẻo..."¹

1. Lê Quý Đôn: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 345.

Bảo vệ dân chúng Khăn hoang và xác lập chủ quyền là hai quá trình được các chúa Nguyễn tiến hành song song đồng thời, trong đó xác lập chủ quyền là để bảo vệ tính hợp pháp của công cuộc khẩn hoang và thành quả của công cuộc khẩn hoang chính là cơ sở để xác lập chủ quyền một cách thật sự. Chỉ sau hơn một thế kỷ, tính từ đầu thế kỷ XVII cho đến giữa thế kỷ XVIII, toàn bộ khu vực Nam Bộ đã hoàn toàn thuộc quyền cai quản của chúa Nguyễn và nhanh chóng trở thành vùng phát triển kinh tế - xã hội năng động. Đây là thành quả lao động cần cù và sáng tạo của tất cả các cộng đồng dân cư trong guồng máy phát triển chung của đất nước, trong đó vai trò của các lớp cư dân người Việt, người Khmer và người Hoa là rất nổi bật.

Các chúa Nguyễn cũng đã bố trí lực lượng quân sự, thiết lập các đồn trú "noi xung yếu" để chống giặc, an dân, bảo vệ chủ quyền, đã đập tan nhiều cuộc xâm lược lãnh thổ Nam Bộ của quân Xiêm.

Tiêu biểu cho ý chí bảo vệ chủ quyền vùng đất Nam Bộ phải kể đến chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút của quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy trước 5 vạn quân xâm lược Xiêm năm 1785. Chiến thắng này đã đập tan âm mưu can thiệp và xâm lược Nam Bộ của quân Xiêm, thể hiện quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của chính quyền Tây Sơn. Đây là chiến công lẫy lừng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.



Dại Nam nhất thống toàn đồ
(Bản đồ Đại Nam thống nhất đời Nguyễn vẽ vào năm 1834)

IV GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1802 ĐẾN NĂM 1954

Năm 1802, triều Nguyễn thành lập đã xây dựng một thiết chế quản lý đất nước thống nhất từ Bắc chí Nam. Lúc đầu, vùng đất Nam Bộ được chia thành các trấn trực thuộc phủ Gia Định, sau đó từ năm 1832 dưới thời vua Minh Mệnh lại được chia thành sáu tỉnh (lục tỉnh) trực thuộc Trung ương.

Vào nửa đầu thế kỷ XIX, khi quan hệ khu vực có nhiều biến động, nhà Nguyễn đã thi hành các chính sách cương quyết để bảo vệ biên giới Tây Nam, cho xây dựng hệ thống thành và bảo trấn giữ dọc theo biên giới để bảo vệ lãnh thổ. Lực lượng quân đội được củng cố và tăng cường từ trung ương đến địa phương, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền của lực lượng quân đội được quy định chặt chẽ trong *Bộ luật Gia Long* hoàn thành năm Gia Long thứ 11 (Nhâm Thân - 1812)¹.

Để quản lý chặt chẽ lãnh thổ, triều Nguyễn đã lập địa bạ trên toàn lục tỉnh Nam Kỳ (1836); thiết lập, củng cố

1. Xem Quốc sử quán triều Nguyễn: *Dại Nam thực lục*, Sđd, t. 4, tr. 159.

tổ chức hành chính, hoàn chỉnh bộ máy quản lý xã hội từ thôn (xã) đến tổng, huyện, phủ, tỉnh. Bên cạnh bộ máy tổ chức hành chính, chùa Phật Tiểu thừa của người Khmer, các thiết chế văn hóa, tín ngưỡng dân gian của người Việt được hình thành và vận hành: đình thờ Thành hoàng, am miếu của Đạo giáo và chùa Phật Đại thừa. Các thiết chế, cơ sở văn hóa và tín ngưỡng dân gian này vừa có tác dụng trấn tĩnh nhân tâm, ổn định xã hội, vừa góp phần vào việc thực thi chủ quyền của Việt Nam trên những vùng đất mới.

Cùng với các biện pháp về chính trị, quân sự, nhà Nguyễn đã có những chính sách khuyến khích phát triển kinh tế và xã hội. Công cuộc đình điền, xây dựng đồn điền vừa tạo cơ sở kinh tế - xã hội cho quốc gia, vừa củng cố quốc phòng. Việc đào kênh, đắp đường, phát triển giao thông thủy bộ như kênh Thoại Hà (1817), kênh Vĩnh Tế (1819 - 1824), kênh Vĩnh An (1843 - 1844), vừa tạo nên những hào lũy nhân tạo kết hợp với những hào lũy tự nhiên để bảo vệ lãnh thổ Nam Bộ.

Hệ thống các chính sách tương đối toàn diện của nhà Nguyễn đã tạo nên sức mạnh và nguồn lực tổng hợp hỗ trợ cho công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ ở Nam Bộ, tạo nên sức mạnh quân sự đánh bại các đội quân xâm lược Nam Bộ vào các năm 1833, 1841, 1847...

Về mặt ngoại giao, đến thế kỷ XIX, chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ đã chính thức được các nước láng giềng, trong đó có cả Cao Miên (Campuchia) thừa nhận trong các văn bản có giá trị pháp lý quốc tế: Tháng

12-1845, ba nước An Nam, Xiêm La (Thái Lan) và Cao Miên (Campuchia) đã ký một hiệp ước, trong đó thừa nhận sáu tỉnh Nam Kỳ thuộc Việt Nam. Năm 1846, một hiệp ước ký giữa An Nam và Xiêm La có nhắc lại những điều khoản trên và Cao Miên sau đó cũng tham gia vào Hiệp ước này¹. Trong phần mở đầu của Hiệp ước bí mật giữa Xiêm La và Cao Miên, ký ngày 1-12-1863, nêu rõ: "*Cao Miên nằm giữa các lãnh thổ Xiêm La, Nam Kỳ và các vùng đất thuộc Pháp*". Như vậy là chậm nhất đến năm 1845 - 1846, các nước láng giềng với Việt Nam đã ký các văn bản pháp lý chính thức công nhận vùng đất Nam Bộ là của Việt Nam.

Trước sức mạnh xâm lược của thực dân Pháp, nhà Nguyễn đã từng bước nhượng các tỉnh thuộc vùng đất Nam Bộ cho Pháp. Năm 1862, đại diện của nhà Nguyễn là Phan Thanh Giản và đại diện của Pháp là Đô đốc Bona (Bonard) đã ký Hiệp ước nhượng quyền cai quản ba tỉnh miền Đông Nam Bộ cho Pháp. Tiếp đó, năm 1867, Pháp lại đánh chiếm ba tỉnh Tây Nam Bộ để tới năm 1874, triều đình nhà Nguyễn ký tiếp Hiệp ước nhượng toàn bộ Nam Kỳ cho Pháp cai quản.

Về mặt chính trị, hai Hiệp ước 1867 và 1874 được ký dưới sức ép và sự đe dọa vũ lực của quân Pháp, thể hiện sự bất lực của nhà Nguyễn, nhưng về mặt pháp lý, nhất là

1. Raoul Mare Jannar: *Les Frontières du Cambodge contemporain (Thèse pour obtenir le grade de Docteur en langues et civilisations de l'INALCO, présentée et soutenue publiquement par Raoul Mare Jannar en Septembre 1998)*, Institut national des Langues et Civilisations - INALCO, Paris, 1998, p. 89.

ý nghĩa pháp lý quốc tế thì hai Hiệp ước này lại là bằng chứng về chủ quyền lãnh thổ không thể tranh cãi của Việt Nam đối với vùng đất Nam Bộ. Pháp không thể ký kết một hiệp ước chia cắt một phần lãnh thổ của một quốc gia nếu quốc gia kết ước không có chủ quyền đối với vùng lãnh thổ đó.

Năm 1887, thực dân Pháp đã thành lập Liên bang Đông Dương với hai quy chế khác nhau giữa Campuchia và Nam Kỳ của Việt Nam. Pháp duy trì chế độ bảo hộ ở Campuchia và thiết lập chế độ thuộc địa ở Nam Kỳ. Để phục vụ mục đích cai trị lâu dài ở Đông Dương, chính quyền thực dân Pháp tại Nam Kỳ đã tiến hành hoạch định biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia theo luật pháp của Công hòa Pháp trên cơ sở nghiên cứu lịch sử và quá trình thực thi chủ quyền của các triều đại phong kiến Việt Nam và vương quốc Campuchia.

Quá trình nghiên cứu, khảo sát, đo đạc và làm việc song phương trên thực địa của các chuyên gia Pháp và Campuchia để xác định biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia đã được tiến hành chậm nhất là từ đầu năm 1870. Cho đến năm 1896, giữa Pháp và Campuchia đã ký một loạt các văn bản pháp lý về hoạch định, phân giới, cắm mốc biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Tất cả các văn bản pháp lý nêu trên đều quy định rõ ràng vùng đất Nam Kỳ hoàn toàn thuộc Việt Nam. Sau này, Toàn quyền Đông Dương chỉ ban hành một số nghị định để điều chỉnh một số đoạn biên giới nhỏ.

Cùng với việc hoạch định biên giới và phân giới, cắm mốc trên thực địa, Sở Địa dư Đông Dương đã in ấn bản đồ thể hiện đầy đủ rõ ràng đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Đến năm 1954, toàn bộ biên giới giữa hai nước Việt Nam và Campuchia đã được thể hiện trên 26 mảnh bản đồ tỷ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương xuất bản. Về cơ bản, đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia được thể hiện trên các bản đồ này phù hợp với các văn bản pháp lý đã được ký giữa hai nước liên quan đến hoạch định và phân giới, cắm mốc đường biên giới, cũng như so với đường biên giới hiện nay giữa hai nước Việt Nam và Campuchia.

Khi triều đình nhà Nguyễn buông ngọn cờ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thì nhân dân ta đã không tiếc xương máu đồng lòng đứng lên đấu tranh chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp, bảo vệ vùng đất Nam Bộ, bảo vệ đất nước. Khi thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Bộ (1862), có phong trào "ty địa" của số đông sĩ phu yêu nước sang miền Tây, và khi thực dân Pháp chiếm miền Tây Nam Bộ (1867), họ lại "ty địa" ra Bình Thuận, nêu cao ý chí "*bao giờ nhớ hết có nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây*", quyết không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ. Phong trào kháng chiến chống Pháp ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt, dưới nhiều hình thức phong phú như nổi dậy với khẩu hiệu "Dân chúng tự vệ", hưởng ứng phong trào Cần Vương, các cuộc đấu tranh thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân, từ nông

dân đến các tín đồ tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa...

Không chỉ đánh giặc bằng súng đạn, giáo mác, người dân Nam Bộ còn huy động mọi thứ vũ khí để chiến đấu. Tâm gương đánh giặc bằng bút của Nguyễn Đình Chiểu (Đô Chiểu) đã khơi dậy lòng căm thù giặc và tinh thần yêu nước của nhân dân Gia Định. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* và *Văn tế lục tinh sĩ dân trần vong* của ông và thơ văn yêu nước chống Pháp của nhiều sĩ phu yêu nước khác đã thực sự là những vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống ách đô hộ ngoại bang của nhân dân Nam Bộ.

Lịch sử đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm của nhân dân Nam Bộ đã viết nên những trang sử bằng máu, mãi mãi để lại những tấm gương sáng ngời, tiêu biểu cho ý chí bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Đình Chiểu...

Bước sang thế kỷ XX, phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam có những bước chuyển biến mới, đặc biệt là từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khí thế cách mạng ngày càng sục sôi trong cả nước. Tại Nam Kỳ, ngày 23-11-1940, đồng đảo các tầng lớp nhân dân đã đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa ở 17/21 tỉnh, thành phố và kéo dài đến ngày 31-12-1940. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã tạo ra một cơn bão táp cách mạng làm rung chuyển không chỉ bộ máy cai trị của thực dân ở Nam Kỳ mà còn ảnh hưởng trên phạm vi cả nước. Tuy diễn ra trong một

thời gian ngắn, nhưng đây là một cuộc khởi nghĩa rộng lớn và mạnh nhất kể từ khi Pháp xâm lược nước ta. Trong cơn bão táp cách mạng, lần đầu tiên lá cờ đỏ sao vàng - biểu tượng của tinh thần đoàn kết và lòng quyết tâm giải phóng dân tộc của toàn dân Việt Nam đã được giương cao ở nhiều vùng thuộc các tỉnh Mỹ Tho, Vĩnh Long, Gia Định, Bạc Liêu...

Cuộc đấu tranh yêu nước kiên cường, bất khuất của nhân dân cuối cùng đã giành được thắng lợi vẻ vang trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám trước hết là thắng lợi của tinh thần đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân và các dân tộc Việt Nam vì mục tiêu độc lập và thống nhất đất nước.

Trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, khối đoàn kết liên tục được củng cố và phát triển. Trong khối đoàn kết dân tộc đó, người Khmer Nam Bộ đã có những đóng góp xứng đáng. Trong những năm 1930 - 1931, các Hội tương tế ái hữu, Nông hội, Cứu tế đỏ... do Đảng tổ chức và lãnh đạo đã thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, trong đó có người Khmer. Các phong trào đòi bỏ sưu, hoãn thuế, giảm tô, vay lúa chia cứu đói cho người nghèo đã đáp ứng nguyện vọng của đông đảo đồng bào Khmer¹. Trong cuộc khởi nghĩa

1. Theo Phan Thị Yên Tuyết: *Truyền thống đấu tranh cách mạng của người Khmer ở Đông bằng sông Cửu Long trong vấn đề dân tộc ở Đông bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 244.

Nam Kỳ năm 1940 có sự góp sức của không ít chiến sĩ người Khmer. Khi khởi nghĩa thất bại, nhiều chiến sĩ người Khmer đã bị chính quyền thực dân tàn sát. Trong quá trình tiến tới Cách mạng Tháng Tám, chương trình Việt Minh dưới nhiều hình thức, với nội dung ngắn gọn như “*Đất nước độc lập*”, “*Dân tộc bình đẳng*”, “*Người cày có ruộng*”, “*Tự do tín ngưỡng*” đã đáp ứng được tâm tư và nguyện vọng của đồng bào Khmer. Trong thành phần Ủy ban Việt Minh các cấp không ít trí thức, sư sãi Khmer được đảm nhiệm những chức vụ quan trọng¹. Điều này cho thấy, trong cuộc đấu tranh chung chống kẻ thù xâm lược, ý thức của đồng bào Khmer về vị trí và trách nhiệm của mình trong quốc gia và dân tộc Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Độc lập chưa được bao lâu, nhân dân ta lại phải chống lại cuộc xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp, mở màn bằng việc Pháp đánh chiếm Nam Bộ. Để giữ gìn nền độc lập còn non trẻ, bảo vệ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nhân dân cả nước ta, trong đó có nhân dân Nam Bộ, lại một lần nữa đứng lên “*quyết hi sinh kháng chiến để giữ vững nền độc lập của nước nhà*”².

Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ ngay lập tức đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước. Ngày 26-9-1945, ba ngày sau khi Pháp nổ súng ở Sài Gòn,

1. Theo Phan Thị Yên Tuyết: *Truyền thống đấu tranh cách mạng của người Khmer ở Đông bằng sông Cửu Long trong vấn đề dân tộc ở Đông bằng sông Cửu Long*, Sđd, tr. 245.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 90.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi *Giới đồng bào Nam Bộ* kháng định quyết tâm kháng chiến của Đảng, Chính phủ và toàn dân Việt Nam. Lời kêu gọi nhấn mạnh: “*Chính phủ và toàn dân Việt Nam sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hi sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà*”¹. Cùng ngày, chi đội đầu tiên gồm 3 đại đội chiến sĩ tình nguyện của các tỉnh phía Bắc đã lên đường vào Nam cùng nhân dân Nam Bộ kháng chiến, mở đầu cho phong trào “*Nam tiến*” đưa hàng vạn thanh niên miền Bắc vào Nam chống thực dân Pháp xâm lược.

Về mặt nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư cho những người đứng đầu các nước Đông Minh nêu rõ chủ quyền hợp pháp của Việt Nam đối với Nam Bộ. Trong các cuộc đàm phán đi đến ký kết Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9-1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã không ngừng đòi Pháp trao trả lại Nam Kỳ cho Việt Nam. Tháng 7-1946, tại Pari, bên lề của Hội nghị Phôngtenoblô (Fontainebleau), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “*Nam Bộ là đất Việt Nam. Nó là thịt của thịt chúng tôi, là máu của máu chúng tôi* [...] *Trước khi đảo Coosor (Corse) trở thành đất của Pháp, thì Nam Bộ đã là đất Việt Nam*”². Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi *toàn quốc kháng chiến*. Cả ba miền Bắc, Trung, Nam Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến thần thánh vì độc lập và thống nhất đất nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 29.

2. Philippe Devillers: *Pari - Sài Gòn - Hà Nội, Tài liệu lưu trữ của cuộc chiến tranh 1944 - 1947*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 280.

Trước sự lớn mạnh của lực lượng kháng chiến và đề đổi phó với dư luận quốc tế, từ cuối năm 1947, Chính phủ Pháp đã dựng lên "Quốc gia Việt Nam" (Etat du Việt Nam) do Bảo Đại đứng đầu. Ngày 8-3-1949, Tổng thống Pháp V. Ôrôn đã ký với Quốc trưởng Bảo Đại Hiệp ước Êlydê (Elysée), theo đó Pháp chính thức trả lại Nam Kỳ cho quốc gia Việt Nam và công nhận sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Ngay sau sự kiện này, một loạt các quốc gia phương Tây, trong đó có Anh và Mỹ đã công nhận Quốc gia Việt Nam. Phù hợp với Luật pháp quốc tế, Hiệp ước Êlydê được coi là văn kiện có giá trị pháp lý cho việc thu hồi lại vùng đất Nam Kỳ mà trước đó theo các Hiệp ước 1862 và 1874, triều Nguyễn đã ký nhường cho Pháp.

Nhằm thực hiện Hiệp ước Êlydê (Elysée), ngày 9-3-1949, Đại hội đồng khối Liên hiệp Pháp đã thảo luận về Dự luật đưa Nam Kỳ - một "lãnh thổ hải ngoại của Pháp", trả lại cho "Quốc gia Việt Nam". Tại Hội nghị này, chính quyền Campuchia tìm cách vận động Chính phủ Pháp giúp thực hiện yêu sách lãnh thổ đối với vùng đất Nam Bộ của Việt Nam. Tuy nhiên, yêu cầu này của phía Campuchia đã không được phía Pháp chấp thuận. Ngày 4-6-1949, Pháp đã thông qua Luật 49 - 733 kết thúc tiến trình trao trả Nam Kỳ cho Việt Nam, vĩnh viễn chấm dứt Quy chế "lãnh thổ hải ngoại của Pháp" đối với vùng lãnh thổ này.

Về yêu sách của chính quyền Campuchia đối với vùng đất Nam Bộ, ngày 8-6-1949, Chính phủ Pháp đã gửi một bức thư cho Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc, trong đó nêu rõ:

"Ngoài những lý do thực tiễn, những lý do về pháp lý và lịch sử không cho phép Chính phủ Pháp từ tính các cuộc đàm phán song phương với Campuchia để sửa lại các đường biên giới của Nam Kỳ. Quốc vương hẳn cũng biết rằng Nam Kỳ đã được An Nam nhượng cho Pháp theo các Hiệp ước 1862 và 1874... Chính từ triều đình Huế mà Pháp nhận được toàn bộ miền Nam Việt Nam... Về pháp lý, Pháp có đủ cơ sở để thỏa thuận với Hoàng đế Bảo Đại việc sửa đổi quy chế chính trị của Nam Kỳ... Lịch sử ngược lại với luận thuyết cho rằng miền Tây Nam Kỳ vẫn còn phụ thuộc triều đình Kmer lúc Pháp tới. Giữa những vi dụ khác, xin phép nhắc lại rằng Hà Tiên đã được đặt dưới quyền tôn chủ của Hoàng đế An Nam từ năm 1715¹ và kênh nối Hà Tiên với Châu Đốc được đào theo lệnh của các quan An Nam từ nửa thế kỷ trước khi chúng tôi đến".

Với bức thư nêu trên, Pháp không chỉ thừa nhận một thực tế lịch sử chứng tỏ người chủ thực sự của vùng đất Nam Bộ là Nhà nước Việt Nam, mà còn nêu lại một lần nữa cơ sở pháp lý khẳng định vùng đất Nam Bộ đã thuộc chủ quyền của Việt Nam từ trước khi Pháp đặt chân đến Nam Kỳ.

1 Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, *Sách*, t. 1, tr. 128 viết: "Từ năm 1708, vùng đất Hà Tiên đã thuộc quyền cai quản của chúa Nguyễn".

2 Raoul Mare Jennar: *Les Frontières du Cambodge contemporain (Thèse pour obtenir le grade de Docteur en langues et civilisations de l'INALCO, présentée et soutenue publiquement par Raoul Mare Jennar en Septembre 1998)*, *Ibid*, P. 97.